

Số: 31/2021/QĐST-DS

Đ, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 477/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn: Trần Thị T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp Bình Chiến, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Bà T ủy quyền hoàn toàn cho bà Nguyễn Thị Diễm C, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 167D3, ấp An Thuận A, xã Mỹ A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

* **Bị đơn: Cao Thị H**, sinh năm 1975.

ĐKTT: Ấp Bình Chiến, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Bình Huê 1, xã L, huyện Đ, tỉnh Bến Tre.

Bà H ủy quyền hoàn toàn cho ông Trần Nhật H1, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 137C, Đường Hùng Vương, phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Cao Thị H thừa nhận còn nợ bà Trần Thị T số tiền vay là 877.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bảy triệu đồng). Trong đó vốn là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng), lãi là 77.000.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu đồng).

Bà H đồng ý hoàn trả cho bà T số tiền 877.000.000 đồng (Tám trăm bảy mươi bảy triệu đồng) vào ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (Ngày 26/3/2021).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

* Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Cao Thị H phải chịu số tiền án phí là 9.578.000 đồng (Chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Bà Trần Thị T phải chịu số tiền án phí là 9.578.000 đồng (Chín triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 19.300.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002243 ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bến Tre. Vậy, hoàn trả lại cho bà Trần Thị T số tiền chênh lệch còn lại là 9.722.000 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi

